

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14 – 01 - 2020

V/v ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐOI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 553/2019/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 525/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thạch Huỳnh N, sinh năm 1999; cư trú tại: Ấp TL B, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Chí C, sinh năm 1992; cư trú tại: Ấp HH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Thạch Huỳnh N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Quốc C qua thời gian tìm hiểu được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT ngày 18/10/2018. Trong thời gian khoảng 04 tháng đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ khi chị có thai và sinh con chị về bên cha mẹ ruột sinh sống thì anh C không liên hệ, bởi vì giữa chị với anh C và gia đình anh C có sự mâu thuẫn về tiền

bạc, thường xuyên cãi nhau. Khi chị sinh con, anh C không đến chăm sóc, sau khi sinh anh C chỉ thăm con một vài lần. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Thạch Thiện N1, sinh ngày 06/6/2019 hiện cháu đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh C cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày nộp đơn khởi kiện.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Vợ chồng không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Anh Lê Quốc C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N trình bày về thời gian chung sống, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Tuy nhiên, việc mâu thuẫn giữa vợ chồng là do có sự hiểu lầm. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay anh vẫn tới lui thăm nom con. Nay anh không đồng ý ly hôn, anh xin đoàn tụ.

- Về con chung: Có 01 con chung như chị N trình bày là đúng. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn anh đồng ý giao con cho chị N nuôi và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Vợ chồng không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Tại phiên tòa: Các đương sự giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Thạch Huỳnh N khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với anh Lê Quốc C là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2018, chị N và anh C kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình tại UBND xã TT. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh C được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Những nguyên nhân mâu thuẫn do chị N xác định đã được anh C thừa nhận. Theo chị N thì mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nhưng anh C không đồng ý. Anh C hứa với chị N sẽ khắc phục, sửa chữa những mâu thuẫn trước đây để mong chị N đoàn tụ, tuy nhiên chị N không đồng ý.

Xét thấy: Trong cuộc sống vợ chồng giữa chị N và anh C đã có những mâu thuẫn xảy ra mà các bên không hàn gắn được. Mặc dù, ngoài việc anh C hứa sẽ khắc phục, sửa chữa những mâu thuẫn trước đây thì anh không có biện pháp gì khác để thuyết phục được chị N chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh. Tại phiên tòa, chị N xác định do anh C hứa nhiều lần mà không thay đổi được gì nên chị không còn lòng tin đối với anh C, chị tha thiết yêu cầu được ly hôn với anh C. Mặt khác, trong khoảng thời gian vợ chồng ly thân khoảng 01 năm thì anh C, chị N cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Việc này cũng thể hiện anh C không thật sự còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với chị N.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa chị N với anh C đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N về quan hệ hôn nhân.

[4] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử cháu N1 là con chung của chị N với anh C mới hơn 07 tháng tuổi, hiện đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi, anh C đồng ý. Xét thấy: Việc thỏa thuận nuôi con giữa chị N, anh C là phù hợp với khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như sự phát triển bình thường của cháu N1 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N về con chung.

[5] Xét về cấp dưỡng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị N yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày nộp đơn khởi kiện (ngày 12/12/2019) cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng được định kỳ hằng tháng. Xét thấy: Yêu cầu của chị N là phù hợp với khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị N, anh C xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Xét về án phí dân sự: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 và anh Công phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 5; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Huỳnh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Thạch Huỳnh N được ly hôn với anh Lê Quốc C.

2. Về con chung: Giao cháu Thạch Thiện N1, sinh ngày 06/6/2019 cho chị Thạch Huỳnh N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Quốc C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Buộc anh Lê Quốc C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Thạch Thiện N1 mỗi tháng với số tiền là 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày nộp đơn khởi kiện (ngày 12/12/2019) cho đến khi cháu Thạch Thiện N1 tròn 18 tuổi.

4. Kể từ ngày chị Thạch Huỳnh N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lê Quốc C chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng anh C còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

5. Về án phí dân sự:

- Chị Thạch Huỳnh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010052 ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Thạch Huỳnh N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Anh Lê Quốc C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt

khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận, H. Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh

